

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hùng.

Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thu T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thu T trình bày:

Bà Lý Thu T có làm đầu thảo 04 dây hụi, bà Lê Thị Hồng M có tham gia chơi hụi của bà T cụ thể như sau:

- Vào ngày 25/11/2019 âm lịch bà T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/1 phần, hình thức 01 tháng khui 02 lần (vào ngày 25 và 10 hàng tháng), dây hụi có 36 phần, dây hụi này bà M tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui lần thứ 9 bà M hốt hụi số tiền là 15.090.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà T đã giao đủ số tiền cho bà

M vào ngày 30/3/2020. Sau khi hốt hụi bà M đã đóng hụi chết cho bà T từ kỳ thứ 10 đến kỳ khai lần thứ 24, từ kỳ khai lần thứ 25 đến khi mãn hụi thì bà M ngưng đóng hụi chết. Bà T đứng ra đóng hụi chết từng kỳ, từ kỳ thứ 25 đến khi mãn hụi là 12 kỳ, với số tiền là $500.000 \text{ đồng}/01 \text{ lần} \times 12 \text{ kỳ} = 6.000.000 \text{ đồng}$. Bà M còn nợ tiền hụi bà T trong dây hụi này là 6.000.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau không có lập thành hợp đồng văn bản, nhưng bà T có ghi sổ theo dõi hụi.

- Vào ngày 30/11/2019 âm lịch bà T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/01 phần, hình thức 01 tháng khai 02 lần (vào ngày 30 và 15 hàng tháng), dây hụi có 36 phần, dây hụi này bà M tham gia 02 phần. Sau khi hụi khai lần đầu bà M hốt một chân hụi số tiền là 12.000.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo, bà T đã giao đủ tiền cho bà M vào ngày 05/12/2019. Đến hụi khai kỳ thứ 8 bà M hốt chân hụi còn lại với số tiền là 13.610.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà T đã giao tiền cho bà M vào ngày 20/3/2020. Sau khi hốt hụi bà M đã đóng hụi chết 02 chân cho bà T đến kỳ khai lần thứ 23, kể từ kỳ khai lần thứ 24 cho đến khi mãn hụi bà M ngưng đóng hụi chết. Bà T đứng ra đóng hụi chết từng kỳ, từ kỳ thứ 24 đến khi mãn hụi là 13 kỳ, với số tiền $1.000.000 \text{ đồng}/1 \text{ lần}/2 \text{ phần} \times 13 \text{ kỳ} = 13.000.000 \text{ đồng}$. Bà M còn nợ tiền hụi bà T trong dây hụi này là 13.000.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau không có lập thành hợp đồng văn bản, nhưng bà T có ghi sổ theo dõi hụi.

- Vào ngày 05/12/2019 âm lịch bà T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/01 phần hình thức 01 tháng khai 02 lần (vào ngày 05 và 20 hàng tháng), dây hụi có 36 phần, dây hụi này bà M tham gia một phần. Sau khi hụi khai lần đầu bà M hốt hụi số tiền là 12.000.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà T đã giao đủ số tiền cho bà M vào ngày 10/12/2019. Sau khi hốt hụi bà M đã đóng hụi chết cho bà T đến kỳ khai lần thứ 23, từ kỳ khai lần thứ 24 đến khi mãn hụi thì bà M ngưng đóng hụi chết. Bà T đứng ra đóng hụi chết từng kỳ, từ kỳ thứ 24 đến khi mãn hụi là 13 kỳ, với số tiền là $500.000 \text{ đồng}/01 \text{ lần} \times 13 \text{ kỳ} = 6.500.000 \text{ đồng}$. Bà M còn nợ tiền hụi bà T trong dây hụi này là 6.500.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M chỉ hợp đồng bằng lời nói không có lập thành hợp đồng văn bản, nhưng bà T có ghi sổ theo dõi hụi.

- Dây hụi khai cùng ngày 05/12/2019 âm lịch bà T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/01 phần, hình thức 01 tháng khai 02 lần (vào ngày 05 và 20 hàng tháng) dây hụi có 36 phần, dây hụi này bà M tham gia 01 phần. Sau khi hụi khai lần đầu bà M hốt hụi số tiền là 13.750.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà T đã giao đủ số tiền này cho bà M vào ngày 10/12/2019. Sau khi hốt hụi bà M đã đóng hụi chết cho bà T đến kỳ khai lần thứ 23, từ kỳ khai lần thứ 24 đến khi mãn hụi thì bà M ngưng đóng hụi chết, bà T đứng ra đóng hụi chết từng kỳ, từ kỳ 24 đến khi mãn hụi là 13 kỳ, với số tiền là $500.000 \text{ đồng}/01 \text{ lần} \times 13 \text{ kỳ} = 6.500.000 \text{ đồng}$. Bà M còn nợ tiền hụi bà T trong dây hụi này là 6.500.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau không có lập thành hợp đồng bằng văn bản, nhưng bà T có ghi sổ theo dõi hụi.

- Vào ngày 26/11/2020 bà T có cho bà M mượn số tiền là 12.000.000 đồng, khi mượn giữa bà T và bà M không có lập hợp đồng vay mượn chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau. Sau khi mượn tiền thì bà M có trả cho bà T được 7.000.000 đồng, bà M còn nợ lại bà T 5.000.000 đồng.

Như vậy bà M còn nợ bà T trong hợp đồng góp hụi (04 dây hụi) và tiền vay mượn là 37.000.000 đồng. Khi mãn hụi giữa bà T và bà M có chốt nợ và bà M có ký nhận nợ với bà T. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M chỉ hên chứ không có trả tiền cho bà T. Vào ngày 15/6/2021 bà T có gửi đơn đến Tổ hòa giải ấp A để yêu cầu hòa giải buộc bà M hoàn trả số tiền 37.000.000 đồng. Khi tổ hòa giải tiến hành hòa giải thì bà M cố tình tránh mặt không tham gia hòa giải nên hòa giải không thành.

Bà Lý Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Hồng M có trách nhiệm trả cho bà T số tiền trong hợp đồng góp hụi và tiền vay với tổng số tiền 37.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà Lý Thu T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà M trả số tiền vay 5.000.000 đồng, bà T yêu cầu bà Lê Thị Hồng M có trách nhiệm trả cho bà T số tiền trong hợp đồng góp hụi là 32.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Lê Thị Hồng M:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà M trả tiền vay 5.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/3/2022, bà Lý Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng M cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Hồng M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Lý Thu T trình bày: Bà T có làm chủ 04 dây hui, bà M là thành viên tham gia trong 04 dây hui này, bà M đã lĩnh tiền hui, sau đó bà M không góp hui chết cho bà T, nên bà T đã góp phần hui chết thay cho bà M đến khi mãn 04 dây hui với số tiền là 32.000.000 đồng, nhưng đến nay bà M chưa hoàn trả cho bà T. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay bà M còn nợ bà T số tiền hui của 04 dây hui với số tiền 32.000.000 đồng.

[3.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hui giữa bà T và bà M không lập thành văn bản, nhưng bà T và các hui viên cùng thừa nhận có hợp đồng góp hui với nhau, cụ thể bà T là chủ hui, bà M là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hui, biêu, phường của Chính phủ. Bà T và bà M là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hui hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hui, biêu, phường của Chính phủ.

[3.3] Xét về lỗi: Bà M là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả phần tiền hui chết mà bà T đã góp thay cho bà M. Do đó, bà T yêu cầu bà M phải hoàn trả cho bà T số tiền hui gốc 32.000.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16; Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2006/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hui, biêu, phường của Chính phủ, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà T về việc lấy lời khai của người làm chứng, bao gồm: Bà Diệp Thị L, chị Phạm Thị Hồng P, bà Lê Thị Đ, bà Hà Thị L, bà Hồng Thị N, bà Hà Thị H, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Huỳnh Thị T, qua làm việc trong quá trình giải quyết vụ án thì những người làm chứng đều xác nhận họ cùng với bà M có tham gia 04 dây hui do bà T làm chủ hui như yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Đối với việc bà Lý Thu T không yêu cầu bà Lê Thị Hồng M trả số tiền vay 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường